

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 333 /QĐ-UBND

Phường 9, ngày 10 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 9

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân phường 9, về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách phường và các
hoạt động tài chính khác năm 2020;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính-kế toán phường 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của Ủy ban
nhân dân phường 9 (các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường 9, Công chức Tài chính-kế toán tổ
chức thực hiện quyết định này. *hl*

Nơi nhận:

- UBND Q10;
- Phòng TC-KH Q10;
- Đảng ủy P9;
- HĐND P9;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ngô Thị Việt Bình

CẢN ĐÓI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	13.849.879.455	TỔNG SỐ THU	11.379.825.666
I. Các khoản thu xả hưởng 100%	436.045.567	I. Chi đầu tư phát triển	869.253.350
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	1.260.879.003	II. Chi thường xuyên	10.494.859.342
III. Thu bổ sung	9.125.638.507	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	15.712.974
Bổ sung cân đối	8.231.655.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
Bổ sung có mục tiêu	893.983.507		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	2.315.384.422		
V. Thu viện trợ	0		
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	711.931.956		
Kết dư ngân sách	2.470.053.789		

Phường 9, ngày 10 tháng 5 năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Kế toán trưởng

(Signature)

Nguyễn Thị Bình

Ngô Thị Việt Bình

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
I	TỔNG THU						
1	Các khoản thu 100%		11.331.293.000		13.849.879.455		122,23
	Phí lệ phí		357.300.000		436.045.567		122,04
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		204.900.000		184.330.000		89,96
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		152.400.000		116.914.000		76,72
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân				102.000.000		
	Thu khác				32.801.567		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %		974.100.000		1.260.879.003		129,44
1	Các khoản thu phân chia		974.100.000		1.260.879.003		129,44
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		700.100.000		993.729.003		141,94
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	Lệ phí trước bạ nhà, đất		274.000.000		267.150.000		97,50
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	B						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		213.342.000		711.931.956		333,70
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				2.315.384.422		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		9.786.551.000		9.125.638.507		93,25
	Thu bổ sung cân đối		9.686.551.000		8.231.655.000		84,9802
	Thu bổ sung có mục tiêu		100.000.000		893.983.507		893,984

Kế toán trưởng

(Signature)

Nguyễn Thị Bình

Ngày 10 tháng 5 năm 2021

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	11.331.293.000		11.331.293.000	11.363.426.666		11.379.825.666	100,28		100,43
1	Chi giáo dục	26.685.000		26.685.000	16.895.945		16.895.945	63,32		63,32
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	15.000.000		15.000.000	10.060.000		10.060.000	67,07		67,07
4	Chi văn hóa, thông tin	55.000.000		55.000.000	38.630.000		38.630.000	70,24		70,24
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục thể thao	35.000.000		35.000.000	21.250.000		21.250.000	60,71		60,71
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
9	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể	8.356.835.000		8.356.835.000	7.729.748.023		7.729.748.023	92,50		92,50
9.1	Quản lý nhà nước	4.962.296.500		4.962.296.500	4.657.458.908		4.657.458.908	93,86		93,86
9.2	Hội đồng nhân dân	660.393.000		660.393.000	591.617.664		591.617.664	89,59		89,59
9.3	Đảng CSVN	1.318.998.000		1.318.998.000	1.193.777.112		1.193.777.112	90,51		90,51
9.4	Đoàn TNCS HCM	183.327.000		183.327.000	269.728.605		269.728.605	147,13		147,13
9.5	Hội LHPN	359.678.000		359.678.000	298.967.304		298.967.304	83,12		83,12
9.6	Hội CCB	243.035.000		243.035.000	194.555.497		194.555.497	80,05		80,05

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3		
9.7	UBMTTQ VN	446.288.000		446.288.000	379.010.951		379.010.951	84,93				84,93
9.8	Hội CTD	128.998.500		128.998.500	109.537.622		109.537.622	84,91				84,91
9.9	Hội NCT	14.971.000		14.971.000	9.687.360		9.687.360	64,71				64,71
9.10	Hội khuyến học	38.850.000		38.850.000	25.407.000		25.407.000	65,40				65,40
10	Chi cho công tác xã hội	20.000.000		20.000.000	176.440.000		176.440.000	882,20				882,20
11	Chi khác	2.782.831.000		2.782.831.000	3.354.689.724		3.371.088.724	120,55				121,14
11.1	Chi công tác an ninh quốc phòng	1.070.410.000		1.070.410.000	860.341.400		860.341.400	80,37				80,37
11.2	Chi công tác dân quân tự vệ	1.517.611.000		1.517.611.000	1.340.978.504		1.340.978.504	88,36				88,36
11.3	Chi công tác dân số-gia đình	16.000.000		16.000.000	11.475.000		11.475.000	71,72				71,72
11.4	Chi sinh hoạt hè	49.664.000		49.664.000	36.725.000		36.725.000	73,95				73,95
11.5	Chi điện dân lập	129.146.000		129.146.000	235.916.470		235.916.470	182,67				182,67
11.6	Chi cải tạo nâng cấp hẻm				869.253.350		869.253.350					
11.7	Chi nộp trả kinh phí bs có MT năm 2019						16.399.000					
12	Dự phòng	39.942.000		39.942.000								
13	Chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				15.712.974		15.712.974					

Ngày 10 tháng 5 năm 2021

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bình

Ngô Phị Việt Bình

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Tên công trình	Thời gian khởi công- hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 1/1/2020 đến 31/1/2021	Giá trị đã thanh toán năm 2020			
		Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó, thanh toán khối lượng năm trước	Chi theo nguồn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ								
1. Công trình chuyển tiếp Hẻm 480 NTP và một phần hẻm 474 NTP	2019-2020	1.319.232.287	430.250.123	690.317.862	914.552.262	334.524.732	773.414.865	95.838.485
		1.319.232.287	430.250.123	690.317.862	914.552.262	334.524.732	773.414.865	95.838.485
Hẻm 260 BH	2018-2020	879.548.572	289.225.820	289.225.820	513.460.220	289.225.820	513.460.220	0
Hẻm 474 SVH	201-2020	144.019.896	45.185.818	131.060.344	131.060.344	45.298.912	85.761.432	0
2. Công trình khởi công mới		295.663.819	95.838.485	270.031.698	270.031.698	0	174.193.213	95.838.485

Kế toán trưởng

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Bình

Ngày 10 tháng 5 năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



(Chữ ký Chủ tịch)

Ngô Thị Việt Bình

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	Thu	Chi	CHÊNH LỆCH (+) (-)	Thu	Chi	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	535.700.000	540.700.000	0	696.450.018	467.948.211	228.501.807
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	535.700.000	540.700.000	0	696.450.018	467.948.211	228.501.807
Đền ơn đáp nghĩa	110.200.000	110.200.000	0	135.580.000	51.360.200	84.219.800
Bảo trợ trẻ em	45.000.000	45.000.000	0	37.605.000	31.440.000	6.165.000
Vì người nghèo	250.000.000	250.000.000	0	333.871.398	205.000.000	128.871.398
Phòng chống lụt bão	0	0	0	57.763.620	57.498.011	265.609
Người cao tuổi	30.500.000	30.500.000	0	26.415.000	29.410.000	-2.995.000
Hiến máu nhân đạo	20.000.000	25.000.000	0	25.215.000	13.240.000	11.975.000
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0	0	0
Vì biển đảo quê hương, vì tuyến đầu tổ quốc	80.000.000	80.000.000	0	80.000.000	80.000.000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
Chợ						
Bến bãi						

Kế toán trưởng

(Signature)

Ngày 10 tháng 5 năm 2021

TM LÃY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bình

Ngô Thị Việt Bình